

Bản án số 01/2026/HNGĐ - ST
Ngày 05 - 01 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng;
- 2. Ông Lê Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Tấn, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 -Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 646/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1985; trú tại: Số 24L/23 khu phố Đông T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Dương Thanh B, sinh năm 1980; thường trú tại: Ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, tỉnh An Giang; tạm trú: Số 24L/23 khu phố Đông T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 38/24 Nguyễn Văn S, khu phố Đông T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà Lê Thị Kim P và ông Dương Thanh B tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2008 ngày 10/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ch, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Vĩnh H, tỉnh An Giang). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng bà P thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau khiến gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt không hạnh phúc. Bà P xác định mâu thuẫn

vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Dương Thanh B.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà P và ông B có 03 người con chung tên Dương Thanh A, sinh năm 2002, Dương Thị Thủy T, sinh năm 2006 và Dương Thanh Ph, sinh ngày 03/11/2012.

Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phong và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Cháu A và cháu T đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Trích lục kết hôn; căn cước công dân bà P, ông B, giấy khai sinh cháu Dương Thanh Ph, Dương Thị Thủy T, trích lục khai sinh cháu Dương Thanh A, đơn xin vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Dương Thanh B trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện tiến đến hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn là do trước đây ông B có tham gia chơi cờ bạc, uống rượu bia nên giữa vợ chồng xảy ra gây gổ, cãi vã nhau và ông đã thay đổi. Ông B xác định hiện tại vợ chồng mâu thuẫn là do bà P thường sử dụng mạng xã hội nhắn tin với người khác giới nên vợ chồng cãi vã nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ nhặt nên mong muốn vợ chồng hàn gắn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: Không.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không chấp hành pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Do quá trình chung sống giữa bà Lê Thị Kim P và ông Dương Thanh B đã xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau khiến cho đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Dương Thanh Phong, sinh ngày 03/11/2012 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Phong cũng muốn được chung sống với mẹ là bà P. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu này của nguyên đơn, giao cháu Ph cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Dương Thanh A, Dương Thị Thủy T đã trưởng thành nên không giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của các đương sự: Trong vụ án, bà Lê Thị Kim P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông Dương Thanh B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim P khởi kiện yêu cầu ly hôn tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Dương Thanh B nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Dương Thanh B có nơi cư trú tại: 24L/23 khu phố Đông T, phường Dĩ A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim P và ông Dương Thanh B tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau từ năm 2003 đến năm 2008 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 36/2008 ngày 10/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Ch, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang (nay là UBND xã Vĩnh H, tỉnh An Giang) nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà P và ông B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau khiến cho đời sống chung không hạnh phúc. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Bị đơn ông Dương Thanh B không đồng ý ly hôn.

Xét, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn để duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông B không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Bà P và ông B cùng thống nhất giữa bà P và ông B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Bà P xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông B nên không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Ông B xác định mâu thuẫn trong cuộc sống là nhỏ nhặt có thể hòa giải, hàn gắn được nhưng không đưa ra phương án để khắc phục, hàn gắn tình cảm với bà P. Mặt khác quá trình tố tụng ông B đã không đưa ra tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không tham gia phiên tòa, chứng tỏ ông B không quan tâm và không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ với bà P. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P.

[3.2] Về con chung: Bà P và ông B có 03 người con chung tên Dương Thanh A, sinh năm 2002, Dương Thị Thủy T, sinh năm 2006 và Dương Thanh Ph, sinh ngày 03/11/2012.

Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của cháu Ph cũng mong muốn được chung sống với mẹ. Do đó, căn cứ Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn

nhân và gia đình, Hội đồng chấp nhận yêu cầu này của bà P và giao cháu Ph cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P về việc không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Dương Thanh A, sinh năm 2002 và Dương Thị Thủy T, sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Từ những nhận định trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Kim P.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 238, 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại tòa án.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con đối với bị đơn ông Dương Thanh B.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim P được ly hôn với ông Dương Thanh B.
- Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Kim P được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Dương Thanh Ph, sinh ngày 03/11/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Kim P về việc không yêu cầu ông Dương Thanh B phải cấp dưỡng nuôi con.

Con chung tên Dương Thanh A, sinh năm 2002, Dương Thị Thủy T, sinh năm 2006 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0032005 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16- Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Khánh Linh

